CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Công nghệ và Truyền thông Việt Nam

Ngày 31/03/2025	17,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-	-	**22.8%**

DT thuần
Q1/25
74.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▼43.6| -37.0%
YoY: ▲ 7.80| 11.7%

LN thuần
Q1/25
21.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.80| 22.0%
YoY: ▲ 6.00| 39.9%

LN sau thuế
Q1/25
17.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.70| 19.1%
YoY: ▲ 4.00| 30.9%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
28.5%
YoY: +/-▲ 13.3%

ROE (TTM)
Q1/25
13.6%
YoY: +/-▲ 0.4%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	9,193 - 26,200
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	654
Số lượng CPLH (CP)	36,727,500
KLGD BQ 20 phiên (CP)	218,490
Sở hữu nước ngoài	0.5%
Beta	0.59
EPS	1,761
P/E	10.1

DT thuần
2024
361
tỷ VNĐ
YoY: ▼2.00| -0.7%

LN thuần
2024
73.9
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 33.0| 80.9%

LN sau thuế
2024
61.1
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 28.0| 84.4%

Cơ cấu sở hữu

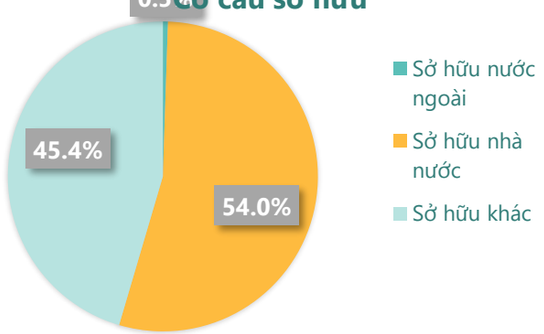

(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

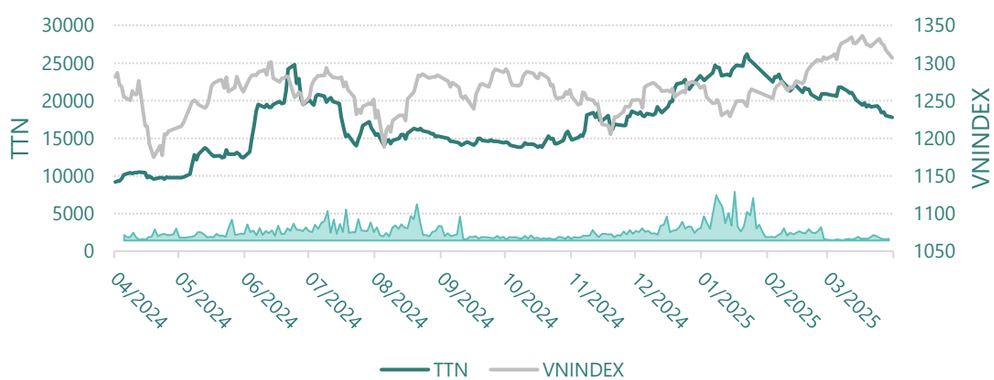

Cơ cấu cổ đông

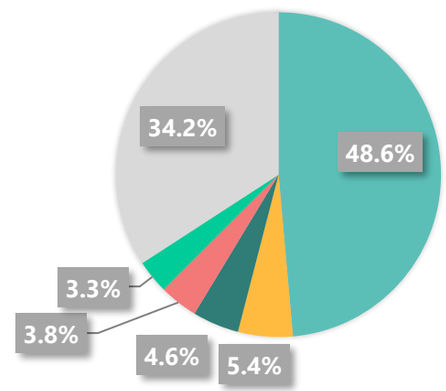

- Tổng Công ty Đầu tư và phát triển Công nghiệp - CTCP
- Tập Đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam
- CTCP Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật
- Quỹ đầu tư Cổ phiếu Tiếp cận thị trường Vinacapital
- Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Kinh tế Hiện đại VinaCapital
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp

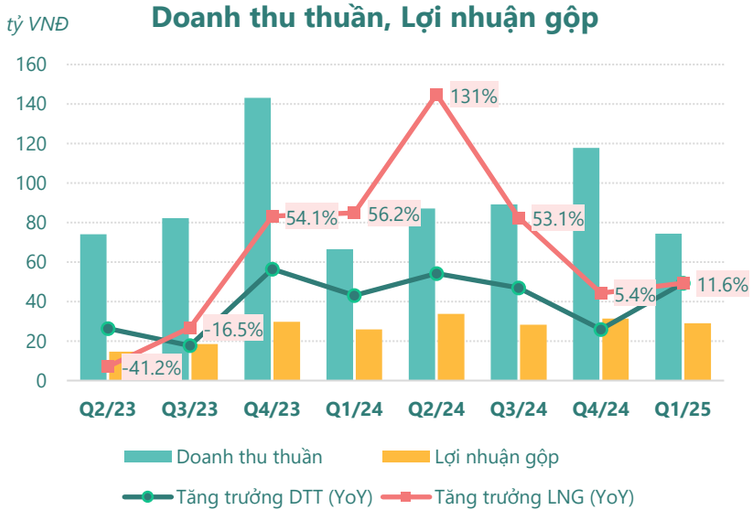

(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận

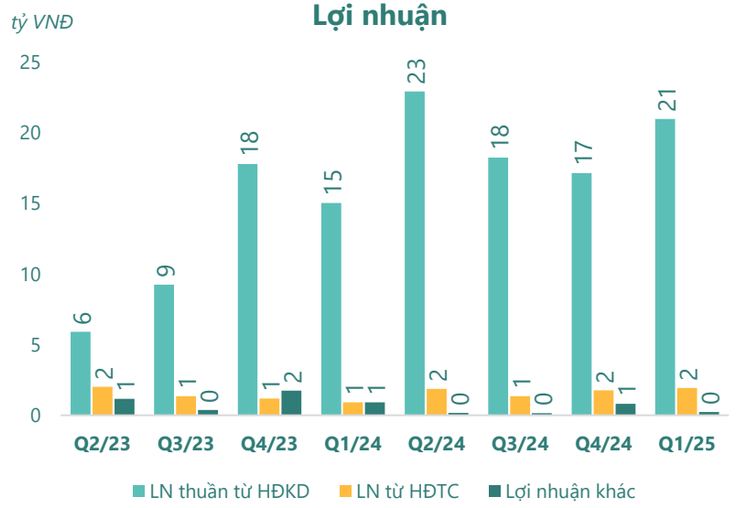

(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí

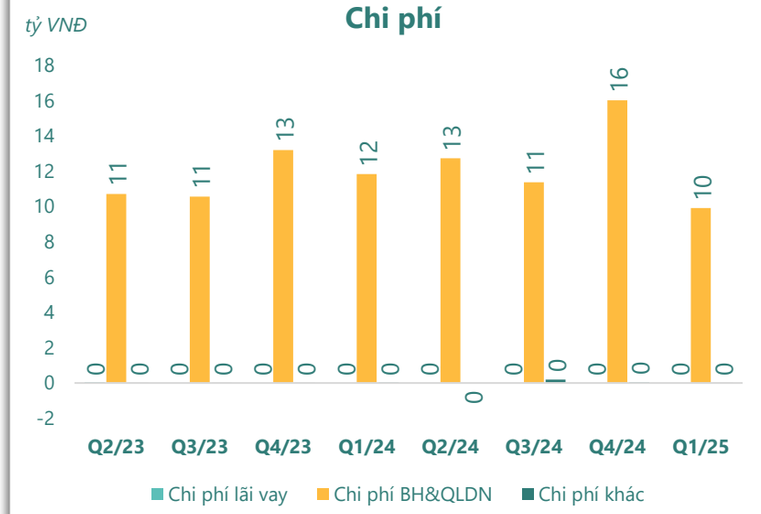

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận

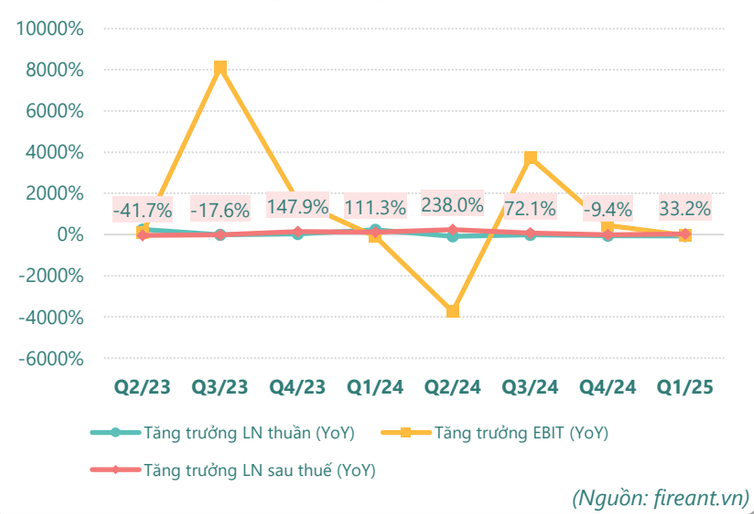

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

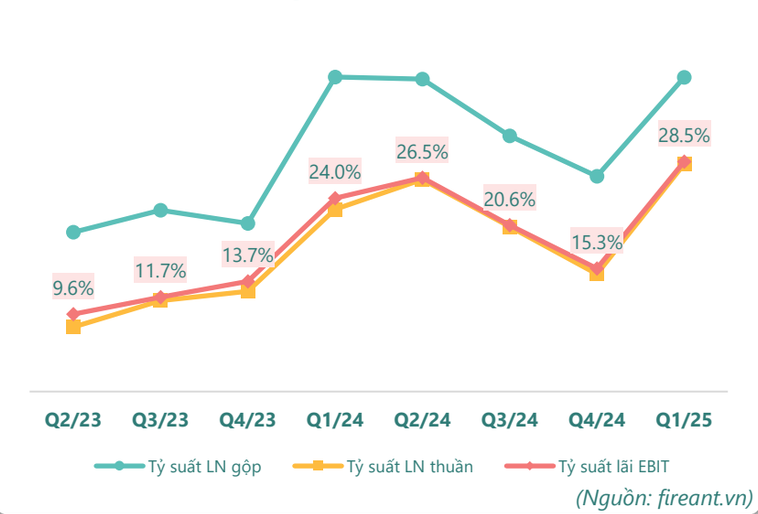

(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức

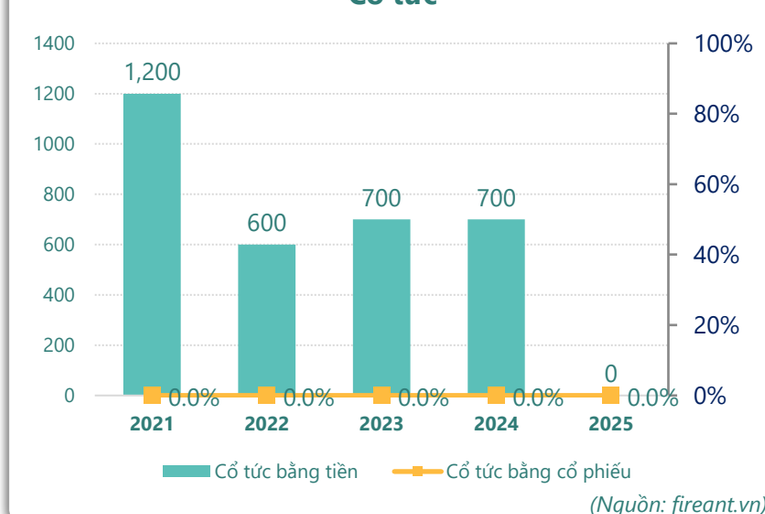

(Nguồn: fireant.vn)

TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

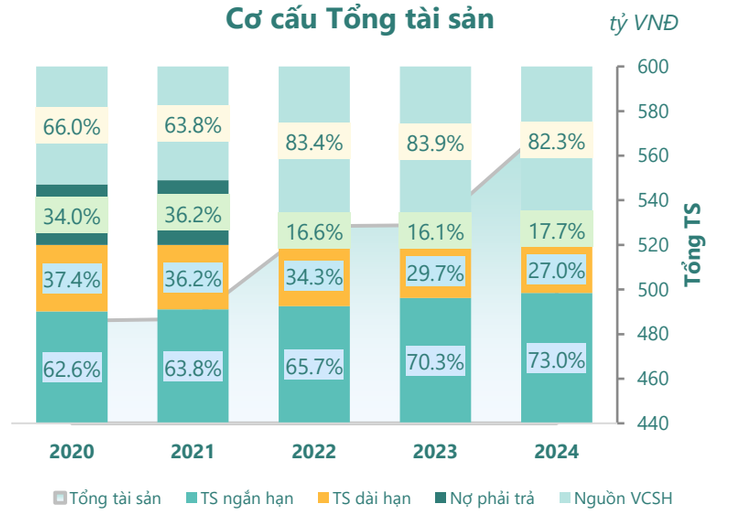

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

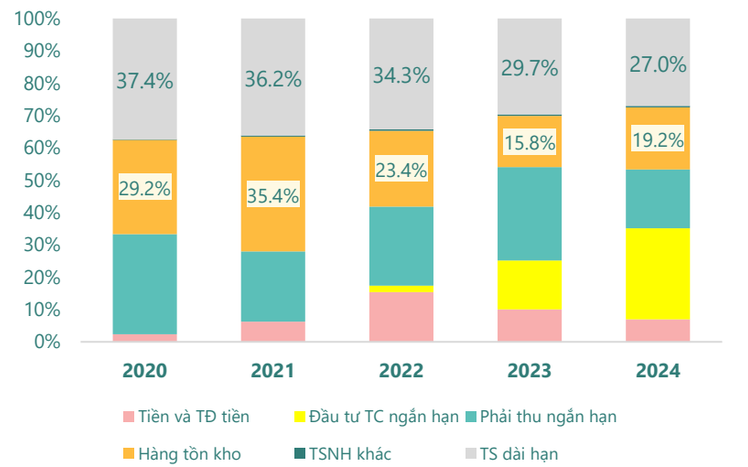

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

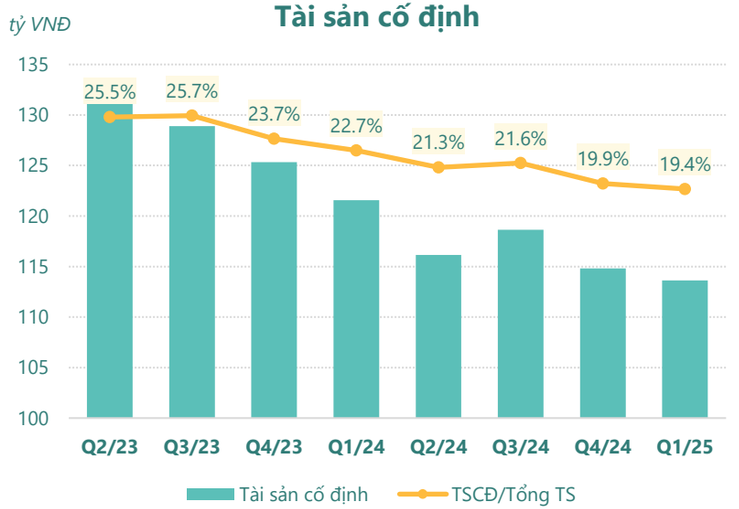

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

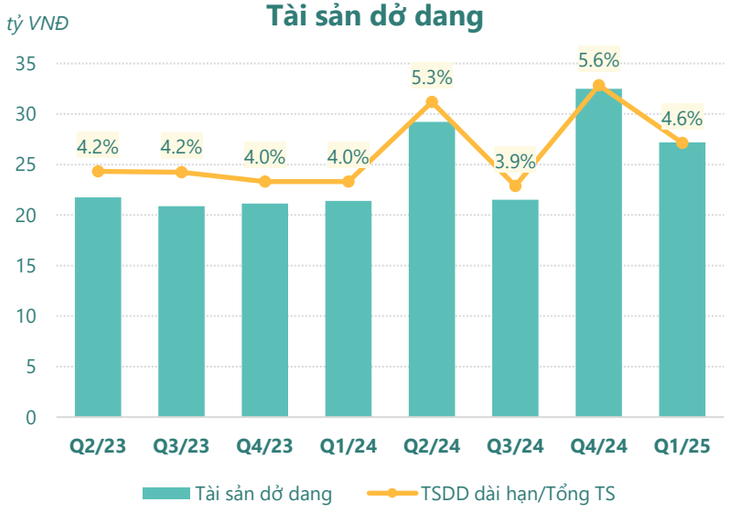

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

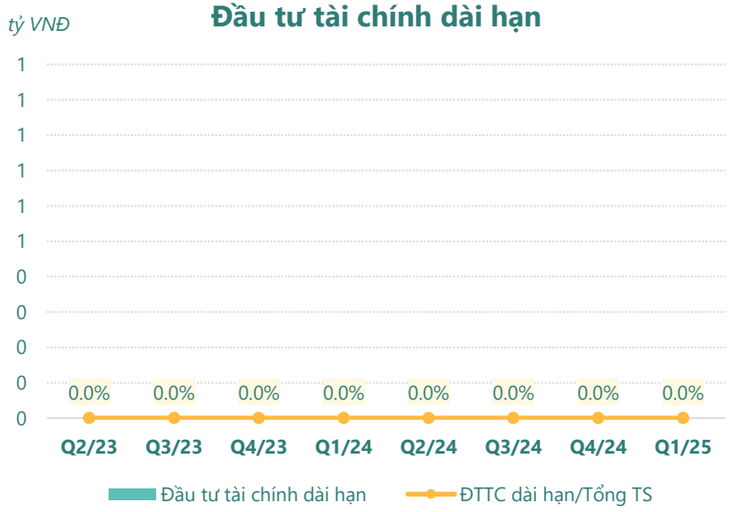

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

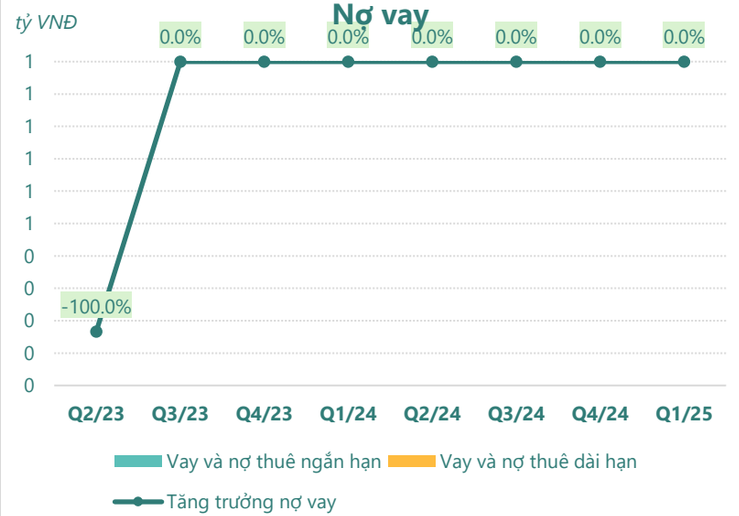

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH

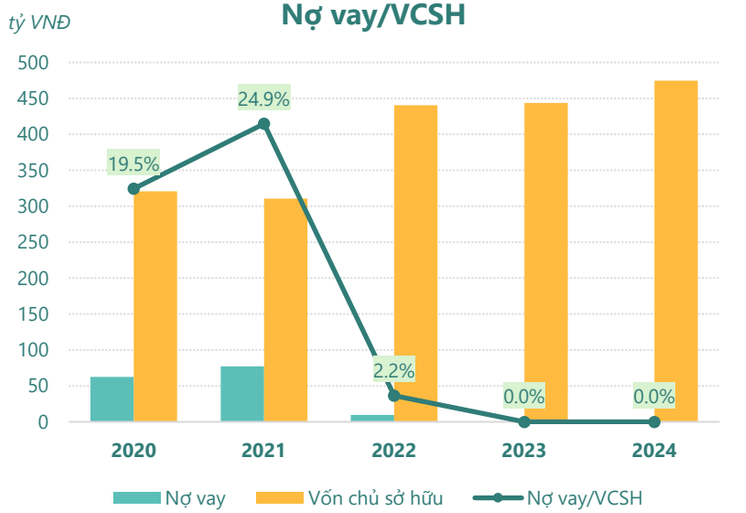

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

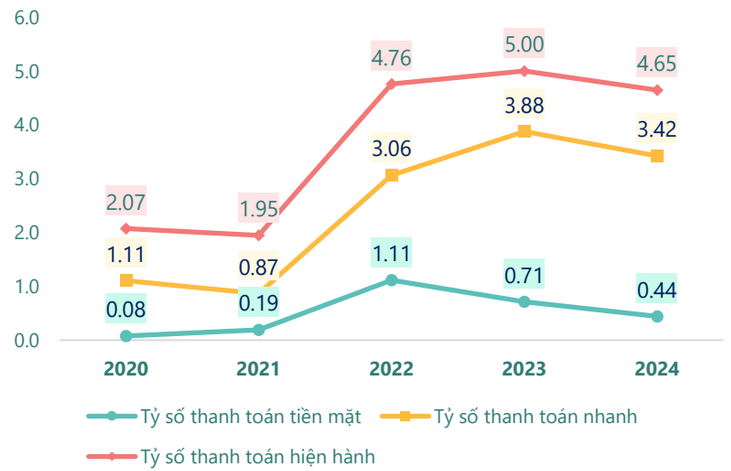

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

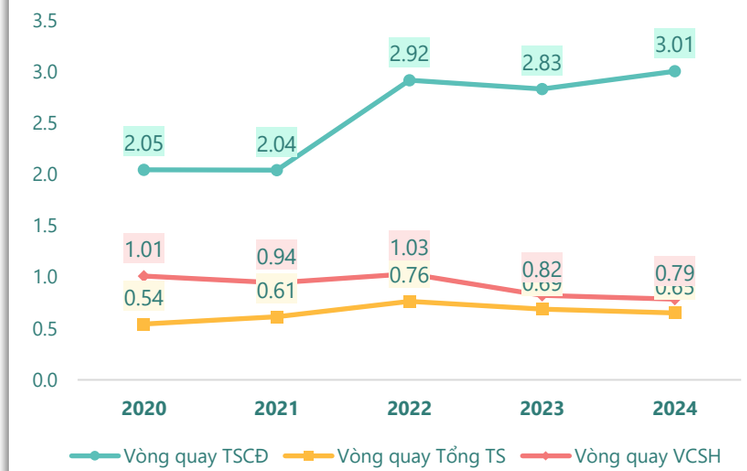

(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay

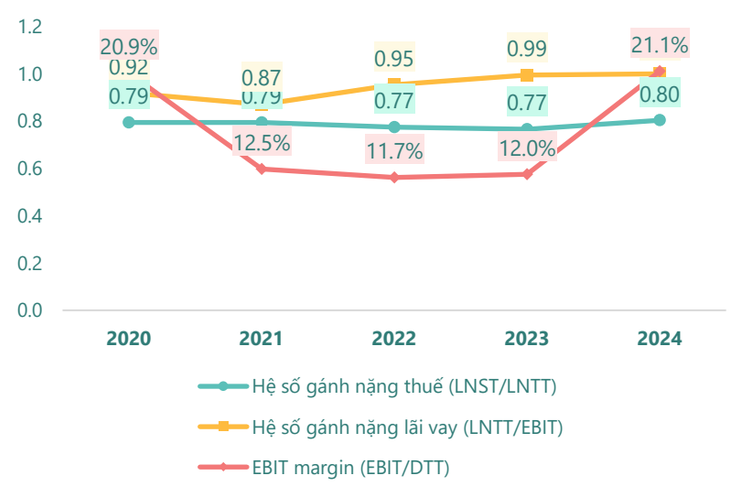

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE

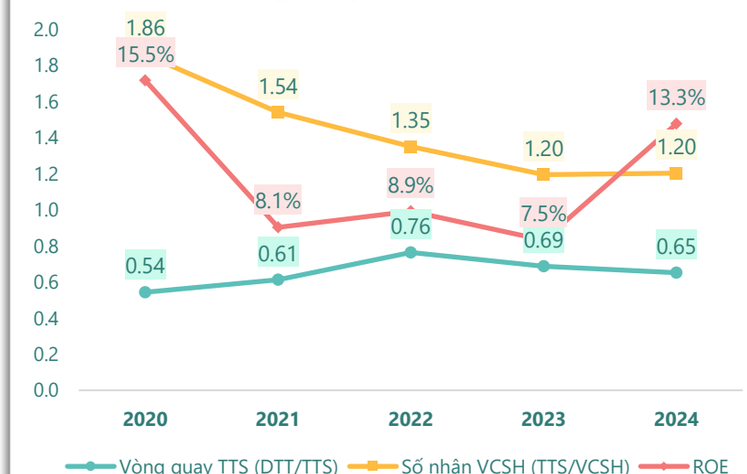

(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn

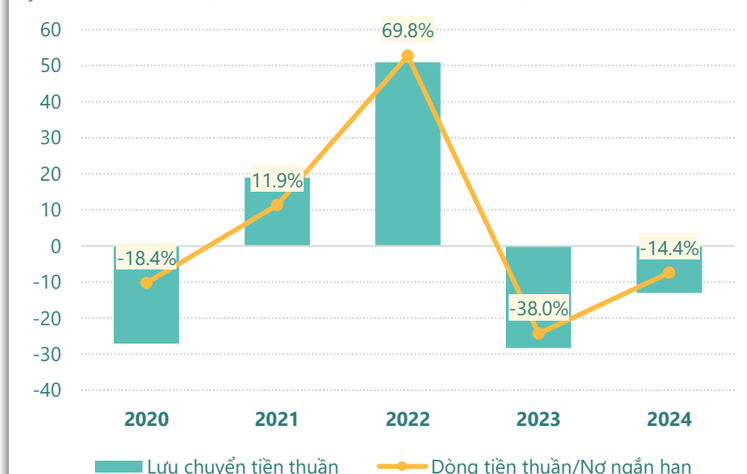

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**74.4**	**66.6**	**11.7%**	**361**	**363**	**-0.7%**
Giá vốn hàng bán	45.4	40.6	11.8%	241	284	-15.1%
Lợi nhuận gộp	29.0	26.0	11.5%	120	79.5	50.5%
Doanh thu HĐTC	1.93	0.93	107%	5.92	5.47	8.1%
Chi phí TC	0	0.00		0.00	0.26	-99.4%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0.24	-100%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	3.85	4.69	-18.0%	18.3	16.2	13.3%
Chi phí QLDN	**6.07**	**7.16**	**-15.2%**	**33.4**	**27.7**	**20.5%**
LN thuần từ HĐKD	21.0	15.0	39.9%	73.9	40.9	80.9%
Lợi nhuận khác	**0.23**	**0.92**	**-75.3%**	**2.07**	**2.39**	**-13.6%**
LN trước thuế	21.2	16.0	32.6%	76.0	43.3	75.6%
Lợi nhuận sau thuế	**17.1**	**13.1**	**30.9%**	**61.1**	**33.1**	**84.4%**
LNST của CĐ cty mẹ	**17.1**	**13.1**	**30.9%**	**61.1**	**33.1**	**84.4%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	18.4	40.2	44.4	4.64	28.7	14.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-23.3	-40.9	-34.1	-11.4	-19.1	-25.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.20	-0.11	-23.9	-1.41	-0.16	-0.22
Tiền đầu kỳ	58.2	53.1	52.3	38.7	30.4	40.1
Lưu chuyển tiền thuần	**-5.09**	**-0.74**	**-13.6**	**-8.14**	**9.48**	**-10.9**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.01	0	0.01	-0.15	0.21	0.04
Tiền cuối kỳ	53.1	52.3	38.7	30.4	40.1	29.3

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**585**	**577**	**1.3%**
Tài sản ngắn hạn	436	421	3.4%
Tiền và tương đương tiền	29.3	40.1	-27.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	188	163	15.7%
Phải thu ngắn hạn	93.6	105	-10.7%
Hàng tồn kho	121	111	9.1%
Tài sản ngắn hạn khác	3.66	2.83	29.0%
Tài sản dài hạn	**149**	**156**	**-4.3%**
Phải thu dài hạn	0.25	0.24	3.5%
Tài sản cố định	114	115	-1.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	27.2	32.5	-16.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**7.99**	**8.25**	**-3.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	92.8	102	-9.3%
Nợ ngắn hạn	**80.6**	**90.6**	**-11.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	26.7	35.8	-25.4%
Nợ dài hạn	12.1	11.7	3.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**492**	**475**	**3.6%**
Vốn chủ sở hữu	**492**	**475**	**3.6%**
Vốn điều lệ	367	367	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)